

Báo cáo Thị trường Hồ tiêu

Tháng 7 2026

Báo cáo cập nhật bức tranh toàn cảnh về tình hình sản xuất, biến động giá cả, tình hình tiêu thụ và các dự báo về thị trường hồ tiêu trong nước và thế giới.



Mục lục

Tóm tắt	03
Phần I: Thị trường hồ tiêu thế giới	04
1. Sản xuất - tiêu thụ	04
2. Xuất khẩu, nhập khẩu	05
3. Diễn biến giá	09
Phần II: Thị trường hồ tiêu Việt Nam	11
1. Nguồn cung	11
2. Nhập khẩu	12
3. Tình hình xuất khẩu	13
4. Diễn biến giá	16
5. Dự báo	17
Phần III: Hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp trong ngành	18
Phụ lục	20

Viết tắt, giải nghĩa

ASTA: Hiệp hội Thương mại Gia vị Mỹ

Comex Stat: Trung tâm Thống kê Ngoại thương Nhà nước Brazil

CPSF: Liên đoàn Hồ tiêu và Gia vị Campuchia

IPC: Hiệp hội Hồ tiêu Quốc tế

BPS: Cơ quan Thống kê Indonesia

IPSTA: Hiệp hội Thương mại Hồ tiêu và Gia vị Ấn Độ

KPPA: Hiệp hội Xúc tiến Hồ tiêu Kampot

USITC: Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ

VPSA: Hiệp hội Hồ tiêu và cây gia vị Việt Nam

Để thuận tiện hơn trong việc xem và tra cứu báo cáo này, xin mời quý vị tải bản PDF về và mở trên các phần mềm chuyên dụng như Adobe PDF Reader hoặc Foxit Reader.

Tóm tắt

- Tồn kho tiêu của các nước sản xuất đã ở mức thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây với khoảng 170.000 tấn, trong đó Việt Nam khoảng 50.000 - 60.000 tấn, phản ánh nguồn cung xuất khẩu tiếp tục ở trạng thái khá hạn chế và tạo nền tảng hỗ trợ giá hồ tiêu duy trì ở mức cao, theo ước tính của Hiệp hội Hồ tiêu và cây gia vị Việt Nam (VPSA).
- Tại thị trường Mỹ, Việt Nam chiếm tới 80,4% thị phần với 38.221 tấn, tăng 24,4%, tiếp tục giữ vị thế nguồn cung chủ lực. Theo Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ (USITC), Mỹ đã nhập khẩu 47.564 tấn hồ tiêu trong 6 tháng đầu năm, tăng 4,6% so với cùng kỳ 2025.
- Trong nửa đầu năm 2026, Việt Nam đã vượt qua Indonesia, vươn lên dẫn đầu về xuất khẩu hồ tiêu sang Trung Quốc, với khối lượng đạt 1.980 tấn, tăng 19,9% so với cùng kỳ năm trước. Nhờ đó, thị phần hồ tiêu Việt Nam tại thị trường Trung Quốc tăng mạnh từ 33,2% lên 54,7%.
- Giá tiêu thế giới giảm trong tháng 7 nhưng phục hồi nhẹ một phần vào tháng 8. Thị trường nhìn chung tiếp tục chịu áp lực từ những bất ổn địa chính trị tại Trung Đông, sự cạnh tranh về nguồn cung giữa các nước sản xuất lớn và tâm lý thận trọng của các nhà nhập khẩu.
- Số liệu từ Hiệp hội Hồ tiêu và cây gia vị Việt Nam (VPSA), trong 7 tháng đầu năm, Việt Nam nhập khẩu 48.812 tấn hồ tiêu, tăng mạnh 55,1% so với cùng kỳ năm 2025. Đáng chú ý, cơ cấu nguồn cung có nhiều thay đổi khi nhập khẩu từ Campuchia tăng đột biến, trong khi Brazil và Indonesia có xu hướng giảm.
- Ở chiều xuất khẩu, theo số liệu từ Cục Hải quan, xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam trong 7 tháng đầu năm đạt 168.823 tấn, trị giá 1,1 tỷ USD, tăng 16,7% về lượng và tăng 11,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó, xuất khẩu hồ tiêu sang các thị trường chủ lực như Mỹ, Trung Quốc đều tăng mạnh.
- Giá hồ tiêu trong nước giằng co quanh mốc 136.000–139.000 đồng/kg. Mặc dù nguồn cung suy giảm nhu cầu đang chịu sức ép từ xung đột tại Trung Đông và chính sách thuế quan của Mỹ.
- Theo VPSA, trong ngắn hạn, lượng nhập khẩu có thể chững lại do doanh nghiệp Mỹ cần thời gian đánh giá tác động của chính sách thuế và điều chỉnh kế hoạch mua hàng. Tuy nhiên, tác động được dự báo sẽ không quá lớn nếu các quốc gia cung ứng cạnh tranh cũng chịu mức thuế tương đương, bởi Mỹ vẫn phụ thuộc đáng kể vào nguồn cung nhập khẩu và Việt Nam tiếp tục là nhà cung cấp hồ tiêu lớn nhất cho thị trường này.

Phần I: THỊ TRƯỜNG HỒ TIÊU THẾ GIỚI



Mặc dù tồn kho toàn cầu ở mức thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây, giá tiêu thế giới tiếp tục chịu áp lực từ những bất ổn địa chính trị tại Trung Đông, sự cạnh tranh về nguồn cung giữa các nước sản xuất lớn và tâm lý thận trọng của các nhà nhập khẩu.

1 Sản xuất - Tiêu thụ

Thị trường hồ tiêu thế giới tiếp tục vận động trong bối cảnh nguồn cung toàn cầu duy trì ở mức thấp, lượng tồn kho giảm trong khi nhu cầu tiêu thụ dần phục hồi tại nhiều thị trường lớn.

Theo ước tính tổng hợp của Hiệp hội Hồ tiêu và cây gia vị Việt Nam (VPSA), lượng tồn kho của các nước sản xuất khoảng 170.000 tấn, mức thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây, trong đó Việt Nam khoảng 50.000 - 60.000 tấn, phản ánh nguồn cung xuất khẩu tiếp tục ở trạng thái khá hạn chế và tạo nền tảng hỗ trợ giá hồ tiêu duy trì ở mức cao.

Vụ thu hoạch 2026 đã kết thúc tại Việt Nam với sản lượng ước đạt khoảng 170.000 tấn, giảm 12,8%, tương tự vụ thu hoạch tại Ấn Độ cũng được dự báo giảm do ảnh hưởng của việc mưa nhiều. Trong khi tại Brazil sản lượng thu hoạch được dự kiến hơn 100.000 tấn, cao hơn so với mức dự báo vào đầu năm. Indonesia đã bước vào vụ thu hoạch và dự báo sản lượng sẽ tăng so với năm trước nhờ điều kiện

thời tiết ổn định hơn tại Bangka Belitung và Lampung.

Mặc dù xung đột tại Trung Đông tiếp tục ảnh hưởng đến hoạt động logistics quốc tế, làm gia tăng chi phí vận tải biển và kéo dài thời gian giao hàng trên một số tuyến, thương mại hồ tiêu toàn cầu vẫn duy trì ổn định tại các thị trường tiêu thụ lớn như Mỹ, Trung Quốc, Ấn Độ và Trung Đông... trong khi tại châu Âu nhập khẩu giảm so với cùng kỳ.

Trong bối cảnh giá hồ tiêu duy trì ở mức cao, hoạt động giao dịch quốc tế nhìn chung diễn ra khá thận trọng. Nhiều nhà nhập khẩu tại Mỹ và châu Âu chủ yếu mua theo nhu cầu thực thay vì tích trữ với khối lượng lớn, trong khi nông dân tại các nước sản xuất lớn có xu hướng giữ hàng chờ giá tốt hơn. Cùng với lượng tồn kho thấp và tiến độ giao hàng của các doanh nghiệp xuất khẩu còn chậm, những yếu tố này tiếp tục góp phần duy trì mặt bằng giá hồ tiêu thế giới ở mức cao và ổn định trong những tháng đầu năm 2026.

Nhìn chung, thị trường hồ tiêu thế giới trong những tháng đầu năm 2026 tiếp tục được hỗ trợ bởi ba yếu tố chính gồm nguồn cung toàn cầu tăng chậm, lượng tồn kho tiếp tục giảm và nhu cầu nhập khẩu phục hồi tại một số thị trường lớn. Mặc dù các rủi ro về địa chính trị, chi phí logistics và biến động kinh tế vẫn hiện hữu, cán cân cung - cầu được dự báo tiếp tục duy trì theo hướng có lợi cho người sản xuất và xuất khẩu, qua đó tạo nền tảng để giá hồ tiêu duy trì ở mức cao trong những tháng cuối năm.

2 Xuất khẩu, nhập khẩu

a. Xuất khẩu



Brazil: TXuất khẩu hồ tiêu của Brazil đã chứng lại đáng kể sau khi đạt mức cao trong các tháng trước, đặc biệt là tháng 6.

Theo thống kê của Comexstat, trong tháng 7, Brazil xuất khẩu 3.315 tấn hồ tiêu, đạt kim ngạch 20,4 triệu USD với giá xuất khẩu bình quân 6.164 USD/tấn. So với tháng 6/2026, lượng xuất khẩu giảm mạnh 46,5%, kim ngạch giảm 46,3%; tuy nhiên giá xuất khẩu tăng nhẹ khoảng 0,8%. So với cùng kỳ tháng 7/2025, lượng xuất khẩu giảm 4,5%, kim ngạch giảm 12,4%, trong khi giá xuất khẩu giảm 8,1%.

Tính đến hết tháng 7 năm 2026, Brazil xuất khẩu 56.998 tấn hồ tiêu, kim ngạch đạt 353,2 triệu USD, tăng 7,1% về lượng và 6,1% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2025. Giá xuất khẩu bình quân đạt khoảng 6.197 USD/tấn, giảm nhẹ 0,9% (Biểu đồ 1).

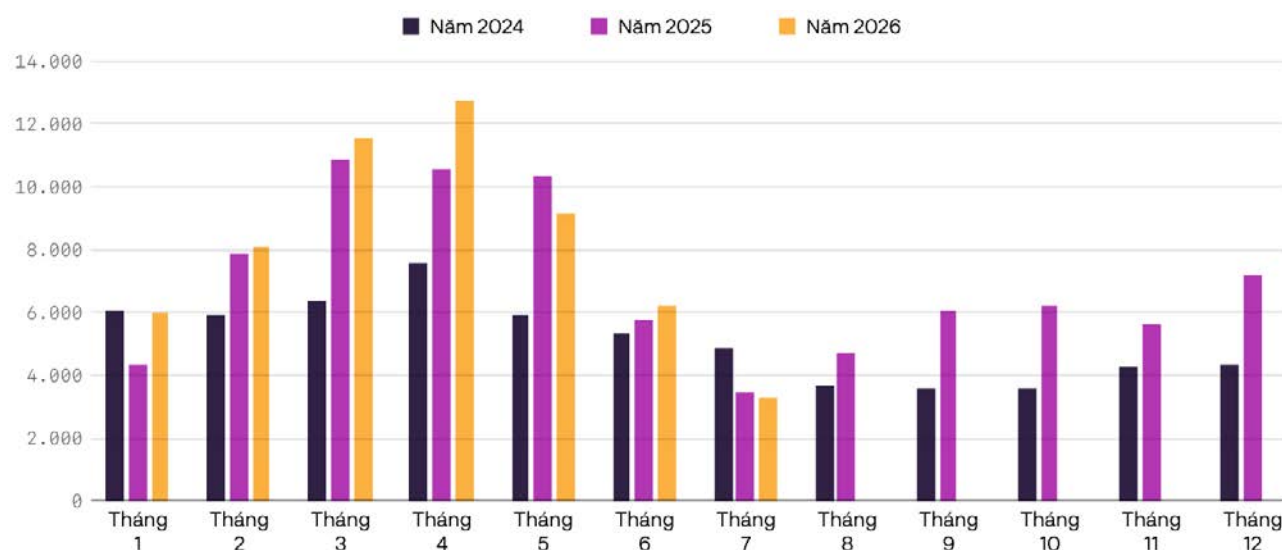
Cơ cấu thị trường 7 tháng năm 2026 cho thấy Việt Nam tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của hồ tiêu Brazil, đạt 15.228 tấn, chiếm 26,7% tổng lượng xuất khẩu. Tuy nhiên, lượng xuất sang Việt Nam giảm 14,1% so với cùng kỳ 2025.

Trong khi đó, nhiều thị trường tăng trưởng rất mạnh, nổi bật là Senegal đạt 6.218 tấn, tăng 57,8%; Pakistan 5.472 tấn, tăng 132,9%; và Ai Cập 4.693 tấn, tăng 115,4%.

Bên cạnh đó, Brazil đang gia tăng đáng kể xuất khẩu sang các thị trường châu Mỹ và châu Âu. Mexico đạt 2.339 tấn, tăng 84,8%; Mỹ đạt 2.207 tấn, tăng 91,2%; Hà Lan đạt 1.765 tấn, tăng 89,0%; Thổ Nhĩ Kỳ đạt 1.643 tấn, tăng 55,1% và Pháp đạt 927 tấn, tăng 106,9%. Ngược lại, xuất khẩu sang Ấn Độ giảm 43,2%, UAE giảm 41,6%, Đức giảm 29,9%, Italy giảm 41,2% và Romania giảm 30,0%.

Biểu đồ 1: Xuất khẩu tiêu của Brazil qua các tháng năm 2024-2026

Đơn vị: tấn. Nguồn: Số liệu từ Comex Stat.



Diễn biến trên cho thấy, mặc dù tổng lượng xuất khẩu của Brazil tiếp tục tăng trong nửa đầu năm 2026, cơ cấu thị trường đang có sự dịch chuyển rõ rệt. Bên cạnh việc Việt Nam vẫn là khách hàng lớn nhất, Brazil đang mở rộng đáng kể thị phần tại các thị trường châu Phi, Trung Đông và Nam Á, đồng thời gia tăng hiện diện tại Bắc Mỹ. Điều này cho thấy các doanh nghiệp Brazil đang tích cực đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, giảm dần sự phụ thuộc vào một số thị trường truyền thống và gia tăng khả năng cạnh tranh với hồ tiêu Việt Nam trên thị trường thế giới (**Biểu đồ 2**).

Indonesia: Indonesia đang vào vụ thu hoạch chính và dự kiến kéo dài tới hết tháng 9/2026, tuy nhiên vụ thu hoạch sẽ diễn ra khá thất thường do ảnh hưởng của mưa, sản lượng năm 2026 dự kiến sẽ tương đương năm ngoái khác so với dự báo đầu năm tăng khoảng 10% do diện tích trồng giảm, ảnh hưởng của mưa nhiều và sự cạnh tranh của các cây trồng có giá trị kinh tế cao hơn.

Số liệu từ ITC cho thấy, Indonesia xuất khẩu 2.252 tấn hồ tiêu trong tháng 6, kim ngạch đạt 17,1 triệu USD, giảm 4,4% về lượng và 6,6% về giá trị so với tháng 5/2026 nhưng tăng 14,3% về lượng so với cùng kỳ tháng 6/2025.

Lũy kế 6 tháng đầu năm, Indonesia xuất khẩu 15.516 tấn hồ tiêu, kim ngạch đạt 112,8 triệu USD, giảm 24,4% về lượng và 16,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2025.

Trong đó, Việt Nam là thị trường lớn nhất của hồ tiêu Indonesia trong 6 tháng đầu năm với 3.509 tấn, chiếm 22,6% tổng lượng xuất khẩu nhưng giảm 25,5% so với cùng kỳ năm 2025.

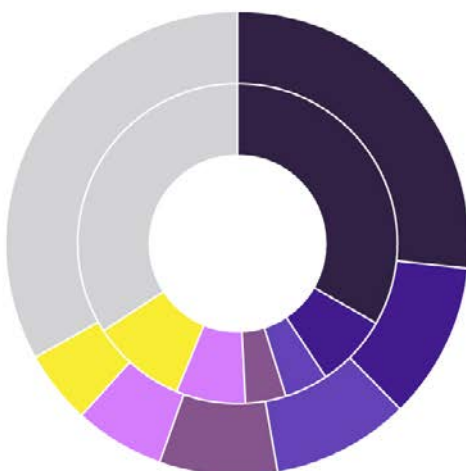
Mỹ đứng thứ hai với 2.364 tấn, chiếm 15,2% và giảm 21,5%; tiếp đến là Ấn Độ với 1.745 tấn, chiếm 11,2%, giảm 25,4%. Trung Quốc nhập khẩu 1.403 tấn, chiếm 9,0%, giảm mạnh 63,2%. Trái ngược với xu hướng chung, Thái Lan nhập khẩu 905 tấn, tăng 91,7% và chiếm 5,8% tổng xuất khẩu.

b. Nhập khẩu

Mỹ: Dữ liệu từ Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ (USITC), trong tháng 6, nhập khẩu hồ tiêu của Mỹ đạt 7.538 tấn, trị giá 56,1 triệu USD, giảm mạnh gần 20% về lượng và 21,6% về trị giá so với tháng trước, đồng thời giảm 17,9% về lượng và 19,6% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Biểu đồ 2: Cơ cấu thị trường xuất khẩu tiêu của Brazil trong 7 tháng năm 2025 và 7 tháng năm 2026

Đơn vị: % theo khối lượng. Nguồn: Số liệu từ Comex Stat.



	7 tháng 2025 (vòng trong)	7 tháng 2026 (vòng ngoài)
■ Việt Nam	33,3%	26,7%
■ Senegal	7,4%	10,9%
■ Pakistan	4,4%	9,6%
■ Ai Cập	4,1%	8,2%
■ Morocco	7,0%	6,3%
■ Ấn Độ	9,6%	5,1%
■ Thị trường khác	34,2%	33,2%

Tuy nhiên, lũy kế 6 tháng đầu năm, nhập khẩu hồ tiêu của Mỹ vẫn tăng 4,6% về lượng và 4,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2025, đạt 47.564 tấn hồ tiêu, kim ngạch đạt 359,75 triệu USD.

Đáng chú ý, tăng trưởng nhập khẩu gần như được thúc đẩy hoàn toàn bởi nguồn cung từ Việt Nam khi lượng nhập khẩu đạt 38.221 tấn, tăng 24,4%, chiếm 80,4% thị phần. Kết quả này cho thấy Việt Nam tiếp tục giữ vị trí áp đảo tại thị trường Mỹ và là nguồn cung đóng góp chủ yếu vào mức tăng nhập khẩu chung.

Trong khi đó, nhập khẩu từ các nguồn cung lớn khác phần lớn suy giảm. Ấn Độ đạt 3.565 tấn, giảm 19,3%, chiếm 7,5% tổng nhập khẩu;

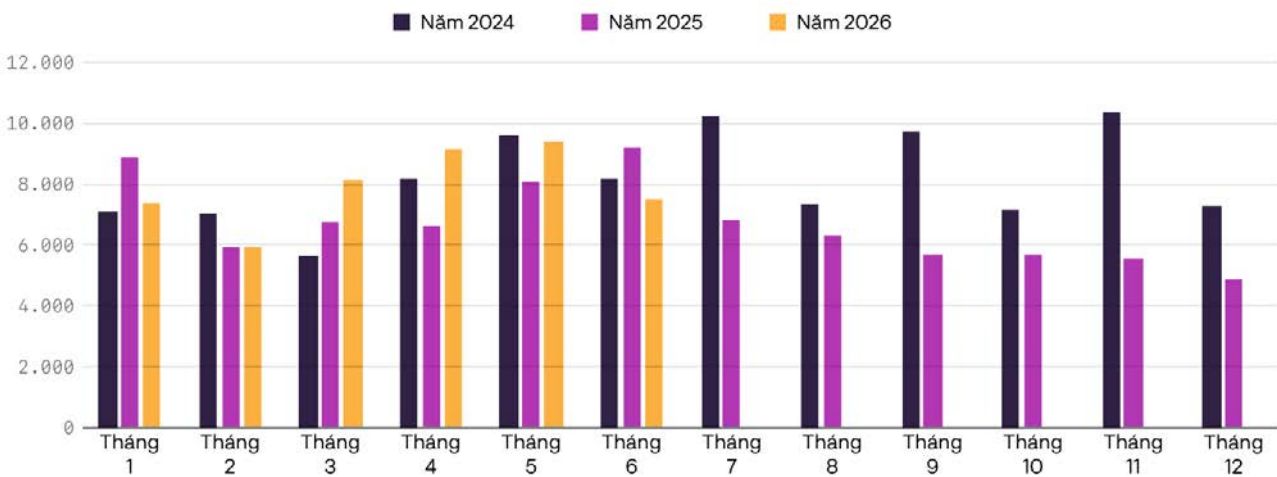
Indonesia chỉ đạt 2.410 tấn, giảm sâu 56,9% và chiếm 5,1%. Brazil đạt 2.050 tấn, tăng 0,2%, chiếm 4,3%.

Như vậy, dù tổng nhập khẩu của Mỹ tăng hơn 4,6%, nhưng tăng trưởng tập trung chủ yếu ở Việt Nam và một phần từ Brazil, trong khi lượng nhập khẩu từ Ấn Độ và Indonesia giảm đáng kể **(Biểu đồ 3, 4)**.

Kinh tế Mỹ trong quý II/2026 tiếp tục duy trì đà tăng trưởng khoảng 2,0-2,1% nhưng có dấu hiệu chậm lại do tác động của lạm phát, (giá năng lượng, chi phí nhập khẩu), chi phí vay vốn còn cao, chính sách thuế quan và những bất ổn địa chính trị tại Trung Đông.

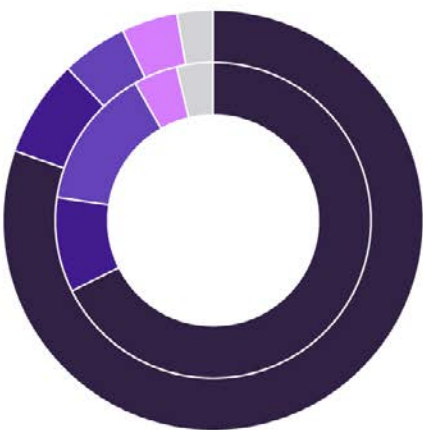
Biểu đồ 3: Nhập khẩu tiêu của Mỹ qua các tháng năm 2024-2026

Đơn vị: tấn. Nguồn: Số liệu từ USITC.



Biểu đồ 4: Cơ cấu nguồn cung hồ tiêu cho thị trường Mỹ trong 6 tháng năm 2025 và 6 tháng năm 2026

Đơn vị: % theo khối lượng. Nguồn: Số liệu từ USITC.



	6 tháng 2025 (vòng trong)	6 tháng 2026 (vòng ngoài)
Việt Nam	68%	80%
Ấn Độ	10%	8%
Indonesia	14%	5%
Brazil	4%	4%
Khác	4%	3%

Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn cho thấy khả năng chống chịu tốt nhờ tiêu dùng nội địa, đầu tư vào trí tuệ nhân tạo (AI) và thị trường lao động tương đối ổn định.

Tiêu dùng nội địa tiếp tục là động lực tăng trưởng quan trọng, song người tiêu dùng có xu hướng thận trọng hơn do áp lực giá cả và lãi suất còn cao. Thương mại và chuỗi cung ứng tiếp tục chịu ảnh hưởng từ các chính sách thuế quan và căng thẳng địa chính trị, khiến chi phí nhập khẩu và logistics tăng, tác động đến hoạt động của nhiều doanh nghiệp.

Việc Mỹ chính thức áp dụng mức thuế nhập khẩu từ 10% đến 12,5% đối với hàng hóa từ 60 quốc gia kể từ ngày 24/7/2026 được dự báo sẽ tiếp tục làm gia tăng chi phí nhập khẩu, khiến giá bán nhiều mặt hàng tại thị trường Mỹ tăng lên và tạo thêm áp lực lạm phát.

Trong ngắn hạn, các doanh nghiệp nhập khẩu có xu hướng thận trọng hơn trong việc ký kết đơn hàng mới, đồng thời điều chỉnh nguồn cung hoặc chuyển một phần chi phí sang người tiêu dùng.

 **Ấn Độ:** Theo IPC, Ấn Độ nhập khẩu 13.062 tấn hồ tiêu trong nửa đầu năm 2026, với kim ngạch đạt 90,4 triệu USD, giảm mạnh 39,5% về lượng và 40,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2025.

Đáng chú ý, Việt Nam là nguồn cung lớn nhất cho Ấn Độ với 5.189 tấn, chiếm 39,7% tổng lượng nhập khẩu, nhưng giảm 24,1% so với cùng kỳ năm 2025. Sri Lanka đứng thứ hai với 4.036 tấn, chiếm 30,9% và giảm 45,6%. Indonesia cung cấp 1.610 tấn, chiếm 12,3%, giảm 41,1%; Brazil đạt 1.561 tấn, chiếm 12,0% và giảm mạnh 56,7%.

Về xuất khẩu, trong 6 tháng đầu năm 2026, Ấn Độ xuất khẩu 9.680 tấn hồ tiêu, kim ngạch đạt

67,3 triệu USD, giảm 5,9% về lượng và 6,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2025. Mỹ tiếp tục giữ vị trí thị trường lớn nhất trong 6 tháng đầu năm với 3.849 tấn, chiếm 39,8% tổng lượng xuất khẩu, mặc dù giảm 10,4% so với cùng kỳ năm 2025. Nga đứng tiếp theo với 696 tấn, chiếm 7,2% và giảm 8,9%. Trong khi đó, Anh là điểm sáng trong ba thị trường chính khi nhập khẩu 651 tấn, tăng 10,9% và chiếm 6,7% tổng lượng xuất khẩu.

Việc nhập khẩu giảm mạnh từ hầu hết các nguồn cung cho thấy nhu cầu nhập khẩu của Ấn Độ đang suy yếu đáng kể, có thể do giá hồ tiêu thế giới ở mức cao hoặc doanh nghiệp chủ động sử dụng lượng hàng tồn kho. Trong khi đó, dù xuất khẩu cũng giảm nhưng mức giảm thấp hơn nhiều so với nhập khẩu, cho thấy Ấn Độ vẫn duy trì được một lượng cung ổn định cho các thị trường truyền thống, đặc biệt là Mỹ và châu Âu. Đối với Việt Nam, mặc dù lượng xuất khẩu sang Ấn Độ giảm so với cùng kỳ, nước ta vẫn là nguồn cung lớn nhất và ngày càng gia tăng vai trò trong cơ cấu nhập khẩu hồ tiêu của thị trường này.

 **Trung Quốc:** Trong 6 tháng đầu năm 2026, nhập khẩu hồ tiêu (chính ngạch) của Trung Quốc đạt 3.620 tấn, trị giá 26,85 triệu USD, giảm 27,3% về lượng và 15,7% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái, theo Hải quan Trung Quốc.

Nguyên nhân chủ yếu là nhập khẩu từ Indonesia giảm mạnh 51,8% về lượng và 38,7% về trị giá, đạt 1.319 tấn, trị giá 9,85 triệu USD. Với kết quả này, Indonesia rơi xuống vị trí thứ hai về nguồn cung hồ tiêu vào thị trường Trung Quốc, với thị phần thu hẹp từ mức 55% xuống còn 36,4%.

Ngoài ra, lượng tiêu nhập khẩu của Trung Quốc từ một số nhà cung cấp khác như Brazil và Malaysia cũng giảm lần lượt 46,3% và 47,1%.

Ngược lại, Việt Nam vươn lên đứng đầu về xuất khẩu tiêu chính ngạch vào Trung Quốc với khối lượng đạt 1.980 tấn, trị giá gần 13 triệu USD, tăng mạnh 19,9% về lượng và 17,8% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Nhờ đó, thị phần hồ tiêu của Việt Nam nhập khẩu vào Trung Quốc đã tăng từ mức 33,2% lên 54,7%.

Sự gia tăng này một phần có thể là do giá tiêu của Việt Nam xuất khẩu vào Trung Quốc giảm nhẹ 1,8% so với cùng kỳ năm ngoái, xuống còn bình quân 7.038 USD/tấn. Trong khi đó, giá tiêu xuất khẩu của Indonesia và Brazil vào Trung Quốc tăng lần lượt 27,3% và 33,8%, đạt bình quân 7.465 USD/tấn và 5.738 USD/tấn.

Còn theo Hiệp hội Hồ tiêu và cây gia vị Việt Nam (VPSA), trong 7 tháng đầu năm, xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc (bao gồm cả chính ngạch và tiểu ngạch) với khối lượng đạt 17.110 tấn, tăng 55,8% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm 10,2% tổng lượng hồ tiêu xuất khẩu của Việt Nam. Qua đó, Trung Quốc tiếp tục là thị trường tiêu thụ hồ tiêu lớn thứ hai của Việt Nam, chỉ sau Mỹ.

Trung Quốc tăng mua hồ tiêu chủ yếu do chênh lệch lớn giữa nhu cầu và sản lượng trong nước. Theo VPSA, Trung Quốc tiêu thụ khoảng 90.000-100.000 tấn hồ tiêu mỗi năm, trong khi sản lượng nội địa chỉ đáp ứng khoảng 30.000 tấn. Khoảng thiếu hụt này khiến Trung Quốc phải tăng phụ thuộc vào nguồn cung nhập khẩu.

Bên cạnh đó, sau thời gian hạn chế mua để chờ giá giảm, các nhà nhập khẩu Trung Quốc đang tăng cường bổ sung tồn kho, trong khi nhu cầu đối với tiêu trắng Việt Nam vẫn cao. Việt Nam có lợi thế về nguồn cung, năng lực chế biến và vị trí địa lý gần Trung Quốc, giúp doanh nghiệp nước này thuận lợi hơn trong việc nhập khẩu.

3 Diễn biến giá

Giá hồ tiêu toàn cầu tiếp tục chịu áp lực từ những bất ổn địa chính trị tại Trung Đông, sự cạnh tranh về nguồn cung giữa các nước sản xuất lớn và tâm lý thận trọng của các nhà nhập khẩu. Bên cạnh đó, khả năng xuất hiện El Niño trong giai đoạn 2026 – 2027 có thể làm thay đổi hình thái thời tiết tại nhiều khu vực ở châu Á, qua đó gia tăng những bất định đối với triển vọng nguồn cung trong vụ mùa năm 2027.

Theo số liệu của Hiệp hội Hồ tiêu Quốc tế (IPC), giá tiêu đen tại các nước xuất khẩu chủ chốt đồng loạt giảm trong tháng 7/2026.

Indonesia ghi nhận mức giảm mạnh nhất, với giá tiêu đen giảm 4,2%, xuống còn 6.823 USD/tấn. Tại Brazil, giá tiêu đen ASTA 570 cũng giảm 3,4%, xuống 5.700 USD/tấn – mức thấp nhất trong hơn hai năm, kể từ tháng 5/2024. Bên cạnh những yếu tố nội tại của thị trường, đã giảm này còn chịu tác động từ nguồn cung gia tăng khi Brazil bước vào vụ thu hoạch mới.

Tại Việt Nam, giá tiêu đen xuất khẩu giảm 2,1 – 2,4% trong tháng 7, xuống còn 5.970 – 6.050 USD/tấn, tương ứng với các loại 500 g/l và 550 g/l.

Giá tiêu đen Malaysia cũng giảm nhẹ 0,5%, xuống 9.300 USD/tấn. Tuy nhiên, mức giá này vẫn cao hơn đáng kể so với các nước xuất khẩu hồ tiêu lớn khác.

Sang 20 ngày đầu tháng 8, giá tiêu đen thế giới có dấu hiệu phục hồi nhẹ sau đợt giảm trong tháng 7.

Brazil ghi nhận mức tăng mạnh nhất, với giá tiêu đen tăng 3,5%, lên 5.900 USD/tấn. Indonesia tăng 0,4%, lên 6.851 USD/tấn. Tại Việt Nam, giá tiêu đen loại 500 g/l tăng 0,3%, lên 5.990 USD/tấn, trong khi loại 550 g/l giữ ổn định ở mức 6.050 USD/tấn. Riêng giá tiêu đen Malaysia tiếp tục đi ngang, duy trì ở mức 9.300 USD/tấn **(Biểu đồ 5)**.

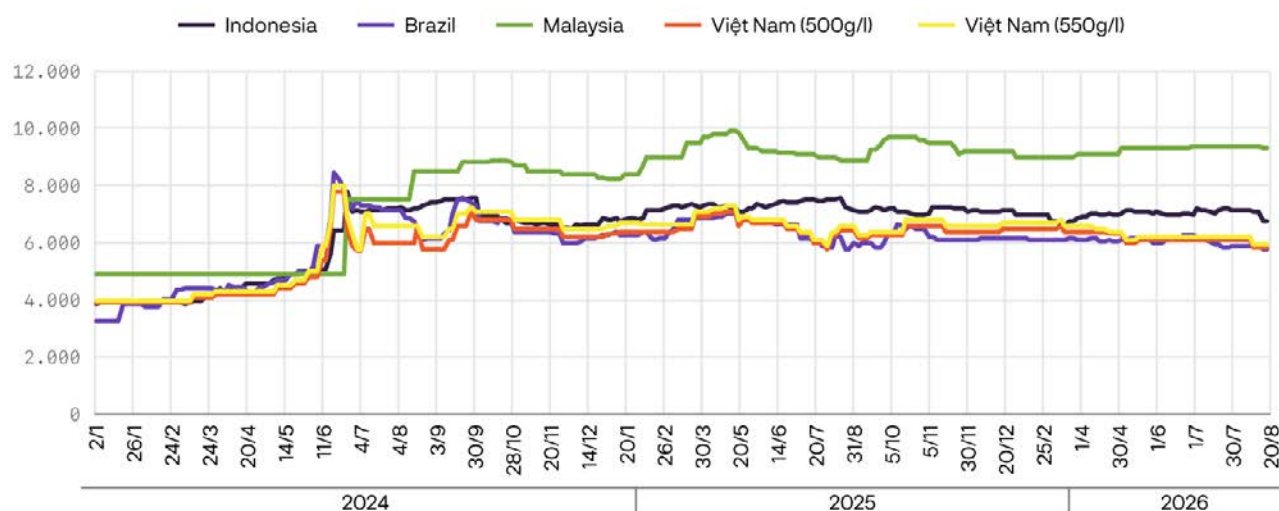
Thị trường tiêu trắng cũng có những diễn biến khá giống với tiêu đen. Cụ thể, trong tháng 7, giá tiêu trắng xuất khẩu của Malaysia giảm 0,4%, xuống còn 12.200 USD/tấn và giữ ổn định trong 20 ngày đầu tháng 8.

Trong khi đó, giá tiêu trắng xuất khẩu của Việt Nam giảm mạnh 8,3% (750 USD/tấn) trong tháng 7, xuống còn 8.250 USD/tấn. Tuy nhiên, giá sau đó nhích nhẹ 1,8% (150 USD/tấn), lên mức 8.400 USD/tấn.

Với Indonesia, giá tiêu trắng xuất khẩu của nước này tăng 1,6% trong tháng 7 nhưng giảm 0,3% trong 20 ngày đầu tháng 8, đứng ở mức 9.380 USD/tấn **(Biểu đồ 6)**. ■

Biểu đồ 5: Diễn biến giá tiêu đen thế giới từ năm 2024 đến ngày 20/8/2026

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: IPC.



Biểu đồ 6: Diễn biến giá tiêu trắng thế giới từ năm 2024 đến ngày 20/8/2026

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: IPC.



Phần II: THỊ TRƯỜNG HỒ TIÊU VIỆT NAM



Xuất khẩu hồ tiêu tháng 7 và 7 tháng đầu năm duy trì tốc độ tăng trưởng tích cực. Tuy nhiên, giá tiêu vẫn chịu sức ép do lo ngại về tác động của xung đột kéo dài tại Trung Đông và chính sách thuế quan của Mỹ.

1 Nguồn cung

Theo Hiệp hội Hồ tiêu và cây gia vị Việt Nam (VPSPA), các nước sản xuất và xuất khẩu hồ tiêu lớn đang có những hướng cạnh tranh riêng. Brazil có khả năng gia tăng nguồn cung và cạnh tranh về khối lượng; Malaysia tập trung vào hồ tiêu chất lượng và thương hiệu cao cấp; Indonesia giữ vai trò hàng đầu về sản phẩm tiêu trắng.

Vì vậy, chiến lược của Việt Nam là phải kết hợp quy mô với khác biệt hóa - đặc biệt ở độ sạch, tính ổn định, dịch vụ kỹ thuật, tốc độ giao hàng và hồ sơ bền vững.

Dù duy trì vị thế là nước xuất khẩu hồ tiêu lớn nhất thế giới, ngành hồ tiêu Việt Nam đang đứng trước yêu cầu nâng cao năng lực cạnh tranh, đặc biệt về chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và phát triển bền vững.

Hiện nay, các nhà nhập khẩu ngày càng đặt ra những yêu cầu khắt khe hơn về chất lượng và tiêu chuẩn sản phẩm. Nếu không chuyển đổi kịp thời, hồ tiêu Việt Nam có nguy cơ mất thị phần vào tay các nước sản xuất khác. Vì vậy, xây dựng vùng nguyên liệu đạt chuẩn quốc tế và hình thành liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp, nông dân và hợp tác xã là giải pháp quan trọng.

VPSPA định hướng nhiều nhóm giải pháp phát triển chuỗi giá trị hồ tiêu xuất khẩu, trong đó doanh nghiệp xuất khẩu và hợp tác xã là hai đầu mối tổ chức, nông dân là trung tâm tạo chất lượng, còn cơ quan quản lý đóng vai trò kiến tạo về tiêu chuẩn, dữ liệu và hạ tầng dùng chung.

Một trong những ưu tiên hàng đầu là ổn định vùng nguyên liệu, thay vì chạy theo mở rộng diện tích. Các địa phương trồng hồ tiêu cần lập bản đồ vùng trồng dựa trên điều kiện đất, nước, tuổi vườn, nguy cơ dịch bệnh và khả năng liên kết với cơ sở chế biến. Việc trồng mới tại những nơi thiếu nước hoặc phá vỡ quy hoạch không được khuyến khích; thay vào đó cần ưu tiên phục hồi vườn hiện có, tái canh có kiểm soát, sử dụng giống rõ nguồn gốc và trụ sở phù hợp.

Định hướng phát triển hồ tiêu đến năm 2030 cũng cần chuyển trọng tâm từ chỉ tiêu diện tích sang năng suất bền vững và hiệu quả kinh tế trên mỗi hecta. Mục tiêu 40% diện tích hồ tiêu đạt GAP hoặc tương đương và 50% diện tích có mã số vùng trồng cần được cụ thể hóa thành kế hoạch thực hiện hằng năm.

2 Nhập khẩu

Trong tháng 7, Việt Nam nhập khẩu 3.614 tấn hồ tiêu, kim ngạch đạt 21,6 triệu USD, giảm mạnh 49,2% về lượng và 45,9% về giá trị so với tháng trước, nhưng vẫn tăng 13,8% về lượng so với cùng kỳ năm ngoái.

Tính chung trong 7 tháng đầu năm, Việt Nam nhập khẩu 48.812 tấn hồ tiêu, kim ngạch đạt 279,3 triệu USD, tăng mạnh 55,1% về lượng và 43,0% về giá trị so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó, khối doanh nghiệp ngoài VPSA nhập khẩu 27.627 tấn, tăng tới 169,3%, chiếm 56,6% tổng lượng nhập khẩu; trong khi khối hội viên VPSA đạt 21.185 tấn, giảm nhẹ 0,1%, chiếm 43,4%.

Trong nhóm doanh nghiệp nhập khẩu lớn, Olam Việt Nam tiếp tục dẫn đầu với 6.168 tấn, chiếm 12,6% tổng lượng nhập khẩu nhưng giảm 19,6% so với cùng kỳ. Tiếp theo là

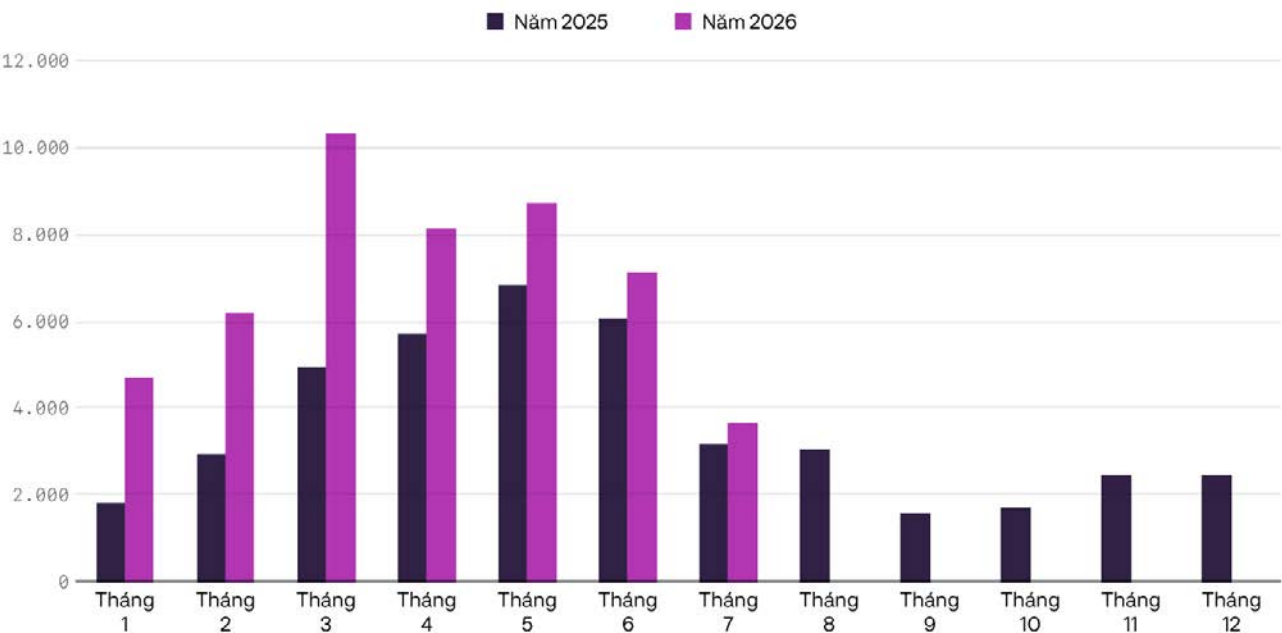
Nedspice Việt Nam với 3.219 tấn, tăng 58,2%; Gia vị Việt Nam đạt 3.086 tấn, tăng 113,7%; Liên Thành đạt 2.241 tấn, tăng 112,6% và Ptexim Corp đạt 1.705 tấn, tăng 5,7% (**Biểu đồ 7**).

Về nguồn cung 7 tháng đầu năm, Campuchia tiếp tục là thị trường lớn nhất với 25.413 tấn, tăng đột biến 256,9% so với cùng kỳ và chiếm 52,1% tổng lượng nhập khẩu. Brazil đứng thứ hai với 16.279 tấn, giảm nhẹ 1,2%, chiếm 33,4%, trong khi Indonesia đạt 4.799 tấn, giảm 20,3%, chiếm 9,8%.

Nhìn chung, nhập khẩu hồ tiêu của Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2026 tăng mạnh chủ yếu nhờ lượng nhập khẩu từ Campuchia tăng đột biến và sự gia tăng nhập khẩu của khối doanh nghiệp ngoài VPSA, trong khi lượng nhập khẩu từ Brazil và Indonesia có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm trước (**Bảng 1**).

Biểu đồ 7: Xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam qua các tháng năm 2025-2026

Đơn vị: nghìn tấn. Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam.



Bảng 1: Nhập khẩu hồ tiêu của Việt Nam từ các nguồn cung chính trong tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2026

Nguồn: Số liệu từ VPSA.

S T T	Nguồn cung	Tháng 7/2026 (tấn)	So với tháng 6/2026 (%)	7 tháng năm 2026 (tấn)	So với 7 tháng năm 2025 (%)	Thị phần 7 tháng năm 2026 (%)
	Tổng	3.614	▼ 49,2	48.812	▲ 55,1	100,0
1	Campuchia	2.025	▼ 21,9	25.413	▲ 256,9	52,1
2	Brazil	1.151	▼ 71,6	16.279	▼ 1,2	33,4
3	Indonesia	217	▼ 15,9	4.799	▼ 20,3	9,8
4	Hà Lan	59		387	▲ 100,0	0,8
5	Malaysia	31	▲ 1.450,0	238	▲ 2,1	0,5
6	Madagascar		▼ 100,0	221	▲ 452,5	0,5
7	Trung Quốc	9	▼ 60,9	153	▼ 11,6	0,3
8	Thái Lan		▼ 100,0	81	▲ 1.520,0	0,2
9	Ecuador	15		70	▲ 169,2	0,1
10	Ấn Độ		▼ 100,0	55	▼ 25,7	0,1
	Nguồn cung khác	107	▼ 24,1	1.116	▼ 14,0	2,3

3 Tình hình xuất khẩu

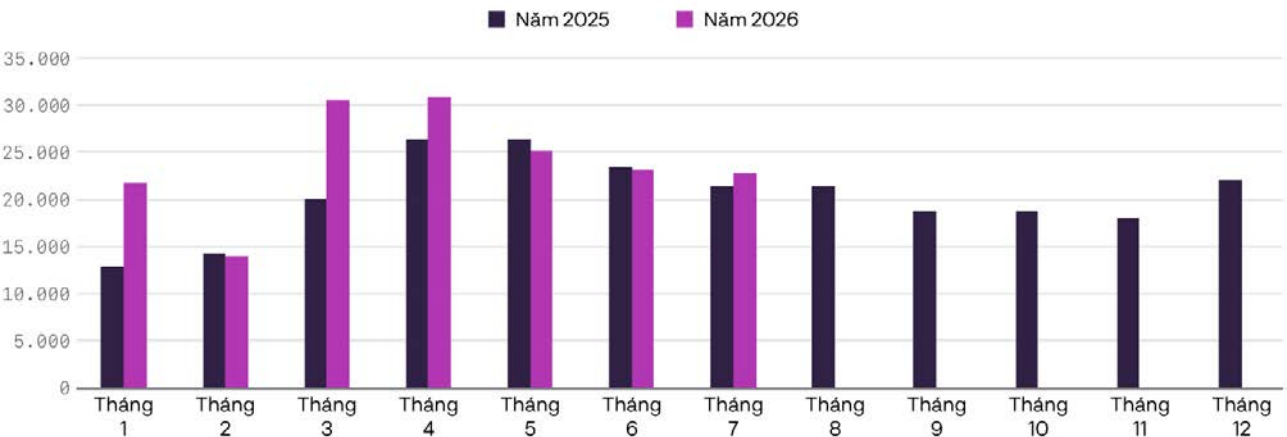
Số liệu của Cục Hải quan Việt Nam cho thấy, xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam trong tháng 7 đạt 22.846 tấn, trị giá 149,5 triệu USD, giảm 5,3% về lượng và giảm 7% về trị giá so với tháng trước, nhưng tăng 6,6% về lượng và tăng 5,3% về trị giá so với cùng kỳ tháng 7/2025.

Tính chung 7 tháng năm 2026, xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam đạt 168.823 tấn, trị giá 1,1 tỷ USD, tăng 16,7% về lượng và tăng 11,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2025 (**Biểu đồ 8**).

Giá xuất khẩu bình quân hồ tiêu của Việt Nam trong 7 tháng đầu năm đạt 6.513 USD/tấn, giảm 4,8% so với cùng kỳ năm 2025. Tính riêng trong tháng 7, giá xuất khẩu bình quân đạt 6.543 USD/tấn, giảm 1,7% so với tháng 6 và giảm 1,2% so với tháng 7/2025 (**Biểu đồ 9**).

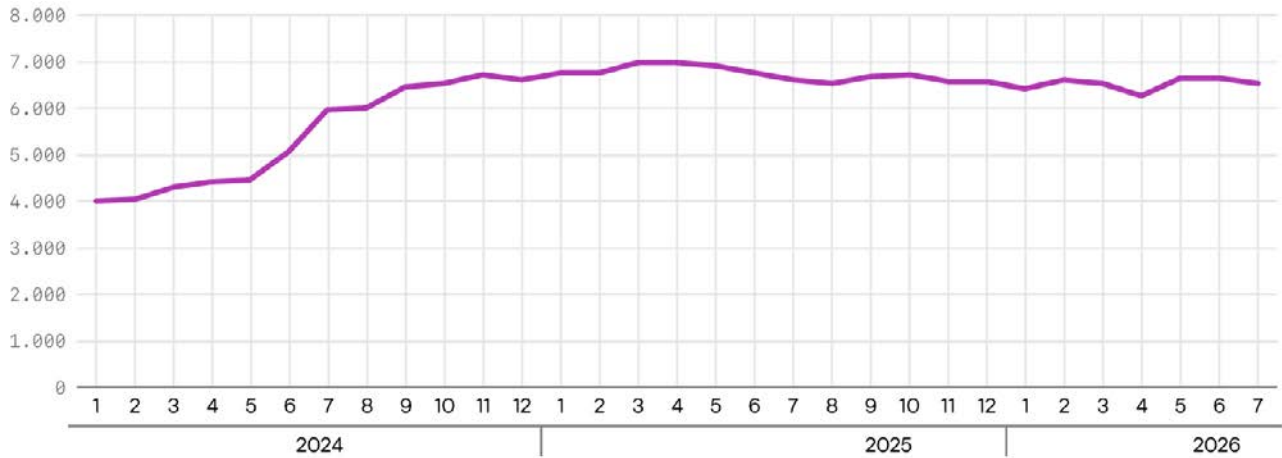
Biểu đồ 8: Xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam qua các tháng năm 2025-2026

Đơn vị: nghìn tấn. Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam.



Biểu đồ 9: Giá xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam năm 2024 – 2026

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam.



Về thị trường 7 tháng đầu năm, châu Á tiếp tục là khu vực xuất khẩu lớn nhất với 76.845 tấn, tăng 12,3% so với cùng kỳ và chiếm 45,6% tổng lượng xuất khẩu. Châu Mỹ đạt 45.470 tấn, tăng mạnh 34%, chiếm 27%, trong khi châu Âu đạt 36.140 tấn, tăng 7,5%, chiếm 21,5%. Xuất khẩu sang châu Phi cũng tăng 10,0%, đạt 9.964 tấn.

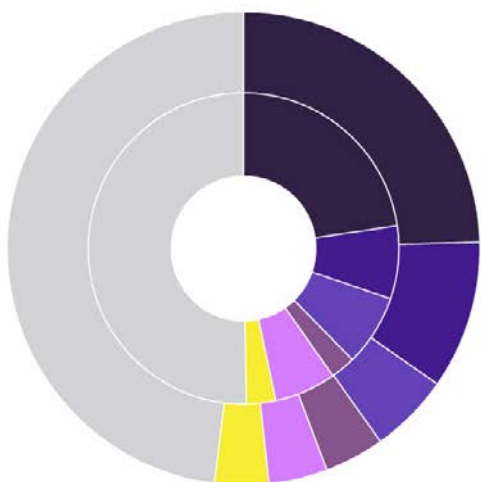
Trong các thị trường đơn lẻ, Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu hạt tiêu lớn nhất của Việt Nam với 40.712 tấn, trị giá 299,3 triệu USD, tăng 26,6% về lượng và tăng 20,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2025, chiếm 24,6% trong

tổng lượng xuất khẩu trong 7 tháng năm 2026, cao hơn so với mức 22,7% của 7 tháng năm 2025 (**Biểu đồ 10**).

Đứng thứ hai là Trung Quốc đạt 17.110 tấn, tăng mạnh 55,8% và chiếm 10,1%. Ngoài ra, xuất khẩu tới nhiều thị trường ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng trong 7 tháng năm 2026 gồm: Thổ Nhĩ Kỳ tăng 102,3% về lượng và tăng 96,4% về trị giá, Thái Lan tăng 84,9% về lượng và tăng 64,4% về trị giá, Hà Lan tăng 41,7% về lượng và tăng 32% về trị giá, Ai Cập tăng 36% về lượng và tăng 30,8 về trị giá và Philippines tăng 21% về lượng và tăng 14,9% về trị giá.

Biểu đồ 10: Cơ cấu thị trường xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2025 và 7 tháng đầu năm 2026

% theo khối lượng. Nguồn: Số liệu từ VPSA và Cục Hải quan Việt Nam.



	7 tháng 2025 (vòng trong)	7 tháng 2026 (vòng ngoài)
■ Mỹ	22, 7%	24, 6%
■ Trung Quốc	7, 6%	10, 1%
■ Đức	7, 4%	5, 5%
■ Thái Lan	2, 6%	4, 1%
■ Ấn Độ	6, 4%	4, 0%
■ Hà Lan	3, 0%	3, 7%
■ Thị trường khác	50, 3%	48, 0%

Ở chiều ngược lại, xuất khẩu tiêu sang một số thị trường lớn lại giảm so với cùng kỳ năm 2025 như: Đức giảm 13,8% về lượng và giảm 17% về trị giá, Ấn Độ giảm 26,9% về lượng và giảm 31,5% về trị giá, UAE giảm 33,2% về lượng và giảm 37,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2025.

Những diễn biến trái chiều giữa các thị trường cho thấy cơ cấu thị trường xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam đang có sự dịch chuyển. Việc gia tăng xuất khẩu tại các thị trường lớn và thị trường mới đã góp phần bù đắp sự sụt giảm tại một số khu vực (**Bảng 2**).

Bảng 2: Một số thị trường xuất khẩu hồ tiêu hàng đầu của Việt Nam tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2026

Nguồn: Số liệu từ Cục Hải quan Việt Nam và VPSA.

Thị trường	Tháng 7/2026		So với tháng 6/2026		So với tháng 7/2025		7 tháng năm 2026		So với 7 tháng năm 2025	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)	Lượng (%)	Trị giá (%)	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)
Tổng	22.846	149.476	▼ 5,3	▼ 7,0	▲ 6,6	▲ 5,3	168.823	1.099.479	▲ 16,7	▲ 11,1
Mỹ	5.437	39.149	▼ 0,7	▼ 1,8	▲ 42,5	▲ 39,4	41.474	299.313	▲ 26,6	▲ 20,6
Trung Quốc	1.866		▲ 206,9		▲ 10,5		17.110		▲ 55,8	
Đức	1.190	8.612	▼ 27,5	▼ 26,2	▲ 46,9	▲ 30,5	9.233	68.133	▼ 13,8	▼ 17,0
Thái Lan	865	5.904	▲ 11,3	▲ 3,5	▲ 51,5	▲ 42,7	6.911	48.945	▲ 84,9	▲ 64,4
Ấn Độ	784	5.120	▼ 41,4	▼ 41,0	▲ 26,5	▲ 25,7	6.780	44.848	▼ 26,9	▼ 31,5
Hà Lan	1.156	8.531	▲ 4,8	▲ 2,2	▲ 14,0	▲ 3,5	6.244	48.064	▲ 41,7	▲ 32,0
Thổ Nhĩ Kỳ	751	4.344	▼ 48,0	▼ 49,5	▲ 38,6	▲ 47,2	5.647	33.251	▲ 102,3	▲ 96,4
Ai Cập	685	3.907	▼ 1,6	▼ 7,0	▼ 9,7	▼ 8,0	5.587	32.851	▲ 36,0	▲ 30,8
Philippines	807	3.700	▲ 49,2	▲ 24,4	▲ 18,2	▲ 14,2	5.229	26.764	▲ 21,0	▲ 14,9
UAE	871	5.489	▼ 22,4	▼ 20,2	▼ 40,7	▼ 36,7	4.222	25.830	▼ 33,2	▼ 37,1
Anh	650	4.830	▲ 3,3	▲ 6,4	▼ 24,9	▼ 31,0	3.792	28.109	▼ 19,4	▼ 22,4
Pakistan	430	2.129	▲ 7,5	▼ 10,6	▼ 42,7	▼ 53,1	3.738	21.894	▲ 9,2	▼ 1,8
Nga	601	3.672	▲ 35,1	▲ 31,8	▼ 18,3	▼ 20,7	3.577	22.773	▼ 4,7	▼ 11,3
Canada	560	3.771	▼ 7,1	▼ 7,1	▲ 34,3	▲ 39,8	3.368	22.339	▲ 47,8	▲ 34,7
Ả Rập Xê út	552	3.498	▲ 1,3	▲ 6,0	▲ 30,5	▲ 29,6	3.262	20.527	▲ 44,1	▲ 34,9
Hàn Quốc	400	2.560	▼ 5,9	▼ 6,2	▼ 48,2	▼ 47,6	3.054	20.226	▼ 37,3	▼ 39,0
Pháp	515	3.518	▲ 16,8	▲ 17,1	▲ 368,2	▲ 332,2	2.682	18.925	▲ 39,3	▲ 100,5
Tây Ban Nha	267	1.659	▼ 24,1	▼ 26,4	▲ 22,5	▲ 4,5	2.456	16.960	▲ 28,6	▲ 17,6
Nhật Bản	350	1.794	▼ 38,1	▼ 51,0	▼ 33,6	▼ 37,3	2.440	14.918	▼ 6,1	▼ 3,4
Senegal	56	318	▼ 59,7	▼ 54,6	▼ 79,6	▼ 80,1	2.235	12.633	▼ 3,5	▼ 5,6
Nam Phi	256	1.576	▼ 29,5	▼ 32,4	▼ 24,7	▼ 29,5	1.968	12.324	▲ 47,2	▲ 50,8
Australia	160	1.172	▼ 56,8	▼ 55,6	▼ 39,8	▼ 35,0	1.738	12.341	▲ 75,0	▲ 72,1
Ba Lan	49	318	▼ 87,7	▼ 88,0	▼ 70,5	▼ 71,6	1.620	10.536	▲ 33,7	▲ 28,1
Malaysia	137	938	▼ 29,4	▼ 29,6	▼ 44,1	▼ 42,6	1.300	8.930	▼ 9,3	▼ 13,5

Thị trường	Tháng 7/2026		So với tháng 6/2026		So với tháng 7/2025		7 tháng năm 2026		So với 7 tháng năm 2025	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)	Lượng (%)	Trị giá (%)	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)
Italy	94	653	▼ 37,3	▼ 32,3	▼ 31,9	▼ 23,5	838	5.854	▲ 26,2	▲ 19,3
Algeria	28	112	▼ 91,4	▼ 94,1	▼ 66,3	▼ 75,4	687	4.032	▲ 64,4	▲ 54,5
Kazakhstan	105	482	▼ 42,3	▼ 54,0	▲ 288,9	▲ 215,7	620	3.091	▲ 43,5	▲ 29,9
Singapore	45	278	▼ 35,7	▼ 36,8	▲ 0,0	▼ 12,2	441	2.927	▼ 3,3	▼ 10,0
Bi	37	258	▲ 32,1	▲ 4,9	▼ 63,0	▼ 70,6	360	2.412	▼ 54,9	▼ 61,1
Ukraine	49	304	▼ 3,9	▲ 4,2	▲ 0,0	▲ 5,7	297	1.842	▼ 21,0	▼ 26,3
Kuwait	40	261			▲ 150,0	▲ 178,5	118	731	▼ 64,9	▼ 68,7
Khác	3.053		▲ 13,0		▲ 5,7		19.795		▲ 18,7	

4 Diễn biến giá

Mặc dù sản lượng giảm, giá hồ tiêu nội địa trong những tháng đầu năm 2026 vẫn chưa khởi sắc như kỳ vọng. Kể từ khi xung đột tại Trung Đông bùng phát vào cuối tháng 2/2026, giá tiêu chủ yếu dao động trong biên độ hẹp và có xu hướng giảm nhẹ. Bên cạnh đó, thị trường cũng chịu tác động nhất định từ các chính sách thuế quan của Mỹ.

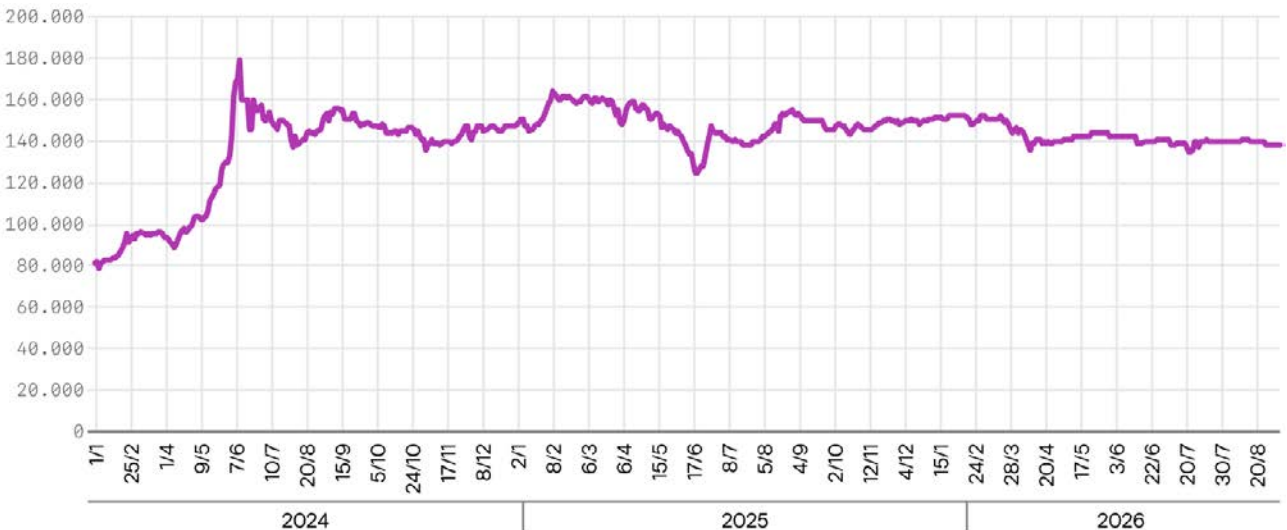
Trong tháng 7, giá tiêu trong nước tăng khoảng 2.000 – 3.000 đồng/kg so với cuối

tháng 6, lên mức 139.000 – 141.000 đồng/kg. Tuy nhiên, đà tăng không duy trì được lâu. Trong 20 ngày đầu tháng 8, giá thu mua đảo chiều, giảm khoảng 3.000 đồng/kg xuống còn 136.000 – 139.000 đồng/kg.

Xét theo địa phương, Đắk Nông (tỉnh Lâm Đồng) ghi nhận mức giá cao nhất cả nước, ở mức 139.000 đồng/kg. Đắk Lắk đứng ngay sau với 138.000 đồng/kg, trong khi giá tiêu tại các địa phương gồm Bà Rịa - Vũng Tàu (TP. Hồ Chí Minh), Đồng Nai và Gia Lai phổ biến ở mức 136.000 đồng/kg (**Biểu đồ 11**).

Biểu đồ 11: Diễn biến giá bình quân tiêu đen và tiêu trắng tại thị trường trong nước năm 2024 - 2026

Đơn vị: đồng/kg. Nguồn: trang Giatieu.com.



5 Dự báo

Sản lượng hồ tiêu toàn cầu năm 2026 được dự báo tiếp tục thấp hơn so với các dự báo đầu năm do sản lượng tại Việt Nam, Indonesia và Ấn Độ đều giảm vì ảnh hưởng của thời tiết bất lợi và năng suất suy giảm. Mặc dù Brazil ghi nhận sản lượng tăng, tuy nhiên mức tăng này vẫn chưa đủ bù đắp phần thiếu hụt từ các quốc gia sản xuất chủ chốt.

Bên cạnh đó, các dự báo khí hậu cho thấy El Niño có khả năng xuất hiện với cường độ mạnh trong năm tới, kéo theo nguy cơ khô hạn tại nhiều vùng trồng hồ tiêu. Điều này có thể tiếp tục gây áp lực lên năng suất và sản lượng, đặc biệt tại những quốc gia có diện tích vườn tiêu già cỗi như Việt Nam khiến nguồn cung toàn cầu tiếp tục ở mức hạn chế.

Nhu cầu nhập khẩu từ các thị trường tiêu thụ lớn trong những tháng đầu năm vẫn duy trì tích cực, góp phần giữ giá hồ tiêu ở mức cao dù thương mại quốc tế chịu tác động từ các xung đột địa chính trị.

Theo VPSA, trong thời gian tới, giá hồ tiêu được dự báo sẽ tiếp tục ổn định ở mặt bằng hiện nay nếu tình hình xung đột chưa có nhiều thay đổi. Trường hợp căng thẳng tại Trung Đông thực sự chấm dứt, giá hồ

tiêu có thể tăng trở lại khi lượng tồn kho tại các thị trường nhập khẩu đã giảm xuống mức thấp trong khi nguồn cung từ các nước sản xuất được đánh giá ở mức thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây.

Việc Mỹ áp dụng mức thuế nhập khẩu 12,5% đối với hàng hóa của Việt Nam sẽ tạo thêm áp lực đối với hoạt động xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường này trong thời gian tới, khi chi phí nhập khẩu tăng khiến các nhà nhập khẩu có xu hướng thận trọng hơn trong việc ký kết hợp đồng mới và đàm phán giảm giá.

Trong ngắn hạn, lượng nhập khẩu có thể chững lại do doanh nghiệp Mỹ cần thời gian đánh giá tác động của chính sách thuế và điều chỉnh kế hoạch mua hàng. Tuy nhiên, tác động đối với hồ tiêu được dự báo sẽ không quá lớn nếu các quốc gia cung ứng cạnh tranh cũng chịu mức thuế tương đương, bởi Mỹ vẫn phụ thuộc đáng kể vào nguồn cung nhập khẩu và Việt Nam tiếp tục là nhà cung cấp hồ tiêu lớn nhất cho thị trường này.

Trong bối cảnh nguồn cung toàn cầu còn hạn chế, xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang Mỹ được kỳ vọng vẫn duy trì ở mức ổn định trong trung và dài hạn, mặc dù áp lực cạnh tranh về giá sẽ gia tăng. ■

Phần III: HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU CỦA CÁC DOANH NGHIỆP TRONG NGÀNH

Nhìn chung, xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam đang duy trì đà tăng trưởng tích cực nhờ nhu cầu cải thiện tại các thị trường chủ lực như Mỹ, Trung Quốc và Hà Lan, đồng thời sự tăng trưởng mạnh của khối doanh nghiệp ngoài VPSA cũng góp phần thúc đẩy tổng lượng xuất khẩu của cả nước.

Tính đến hết tháng 7/2026, khối hội viên VPSA xuất khẩu 137.640 tấn hồ tiêu, tăng 10,3% so với cùng kỳ năm ngoái, chiếm 81,7% tổng lượng xuất khẩu. Trong khi đó,

khối doanh nghiệp ngoài VPSA đạt 30.789 tấn, tăng mạnh 52,3%, nâng thị phần lên 18,3%.

Trong nhóm doanh nghiệp xuất khẩu lớn, Olam Việt Nam dẫn đầu với 14.471 tấn, tăng 1,6% so với cùng kỳ, chiếm 8,6% tổng lượng xuất khẩu. Tiếp theo là Phúc Sinh với 14.266 tấn (tăng 15,7%), Nedspice Việt Nam đạt 12.099 tấn (giảm 6,3%), Haprosimex JSC đạt 11.437 tấn (tăng 52,2%) và Pearl Group đạt 9.079 tấn (tăng 22,5%) **(Bảng 3).** ■

Bảng 3: TOP 30 doanh nghiệp xuất khẩu hồ tiêu lớn nhất của Việt Nam trong tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2026

Nguồn: Số liệu từ VPSA.

S T T	Doanh nghiệp	Tháng 7/2026 (tấn)	So với tháng 6/2026 (tấn)	7 tháng năm 2026 (tấn)	So với 7 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng 7 tháng năm 2026 (%)
	Tổng	22.743	▼ 1,6	168.429	▲ 16,1	100,0
	VPSA	19.004	▼ 7,2	137.640	▲ 10,3	81,7
	Non-VPSA	3.739	▲ 42,8	30.789	▲ 52,3	18,3
1	Olam Việt Nam	2.020	▼ 7,8	14.471	▲ 1,6	8,6
2	Phúc Sinh	2.244	▼ 0,7	14.266	▲ 15,7	8,5
3	Nedspice Việt Nam	1.838	▼ 1,9	12.099	▼ 6,3	7,2
4	Haprosimex JSC	1.749	▼ 11,8	11.437	▲ 52,2	6,8
5	Pearl Group	1.087	▼ 15,2	9.079	▲ 22,5	5,4
6	Simexco Đắk Lắk	1.026	▲ 4,1	8.556	▲ 9,5	5,1
7	Hoàng Gia Luân	804	▼ 15,5	5.468	▲ 79,7	3,2
8	Harris Spice	581	▼ 7,0	5.439	▲ 14,0	3,2
9	Gia vị Sơn Hà	917	▲ 59,8	5.250	▲ 13,1	3,1
10	Prosi Thăng Long	619	▼ 40,1	5.116	▲ 26,2	3,0
11	DK Commodity	493	▼ 27,9	5.048	▼ 5,0	3,0
12	Ấn Nga	849	▲ 1.226,6	4.817	▲ 179,2	2,9
13	Intimex Group	718	▲ 14,1	4.669	▲ 50,6	2,8

Phần III. Hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp trong ngành

S T T	Doanh nghiệp	Tháng 7/2026 (tấn)	So với tháng 6/2026 (tấn)	7 tháng năm 2026 (tấn)	So với 7 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng 7 tháng năm 2026 (%)
14	Ptexim Corp	547	▼ 4,0	3.766	▲ 8,3	2,2
15	Synthite Việt Nam	451	▼ 15,4	3.281	▼ 6,6	1,9
16	Liên Thành	303	▼ 48,8	3.193	▲ 12,9	1,9
17	TM Anh Vũ			3.192	▲ 152,9	1,9
18	Sinh Lộc Phát	274	▼ 38,0	2.638	▲ 8,8	1,6
19	Phúc Lợi	282	▲ 51,6	2.234	▼ 1,3	1,3
20	Expo Commodities	385	▼ 2,0	2.141	▼ 17,1	1,3
21	Saigon Spices	253	▼ 26,7	2.103	▲ 19,0	1,2
22	Phong Hằng	282	▼ 9,9	2.054	▲ 26,9	1,2
23	XNK Diệu Phú	150	▲ 59,6	2.016	▲ 117,2	1,2
24	MKPRO	125	▼ 59,3	1.887	▲ 27,2	1,1
25	Trần Đức Đại		▼ 100,0	1.762	▲ 100,0	1,0
26	Nam Sơn Phú Thọ	158	▲ 3,3	1.405	▲ 133,4	0,8
27	Generalexim	273	▲ 139,5	1.297	▲ 7,5	0,8
28	Gạo Lotus	165	▲ 211,3	1.228	▲ 32,9	0,7
29	Pitco	161	▲ 21,1	1.203	▼ 14,4	0,7
30	Hoàng Kim Ngân	281	▲ 70,3	1.179	▲ 8,4	0,7
	Doanh nghiệp khác	3.708	▲ 4,5	26.135	▼ 2,4	15,5

Phụ lục

NGUỒN THAM KHẢO

Cục Hải quan Việt Nam
Bộ Công Thương
Hiệp hội Hồ tiêu và cây gia vị Việt Nam (VPSA)
Hiệp hội Hồ tiêu Quốc tế (IPC)
Trung tâm Thống kê Ngoại thương Nhà nước Brazil (Comex Stat)
Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ (USITC)
Cơ quan Thống kê Indonesia (BPS)
Nedspice Group
Harris Spice
Thehindubusinessline
Báo Công Thương

BẢN QUYỀN

Báo cáo “Thị trường hồ tiêu tháng 7/2026” được biên tập viên mục Hàng hóa của VietnamBiz tổng hợp và trình bày. Các số liệu, thông tin và những phân tích được tổng hợp trong báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và không được sử dụng như lời khuyên cho việc tư vấn kinh doanh, tài chính và những lĩnh vực chuyên nghiệp khác.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Thông tin và tài liệu trong báo cáo được nỗ lực tổng hợp dưới dạng sẵn có một cách chính xác nhất có thể. Tuy nhiên, tác giả không đảm bảo tính chính xác, sự thích hợp hay đầy đủ của các thông tin và số liệu, đồng thời tuyên bố miễn trừ hoàn toàn trách nhiệm đối với các lỗi hoặc thiếu sót trong các thông tin và số liệu này.

GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

VietnamBiz sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường đối với bất kì chi phí, tổn thất hoặc thiệt hại nào cho dù trực tiếp hay gián tiếp, có liên quan tới hoặc là hậu quả của việc sử dụng báo cáo, hoặc liên quan tới những thiếu sót, sai sót.

ĐỂ THEO DÕI NHỮNG BÁO CÁO GẦN NHẤT CỦA CHÚNG TÔI, XIN TRUY CẬP:

- Mục Báo cáo hàng hóa - Chuyên mục Hàng hóa VietnamBiz
- Báo cáo thị trường hồ tiêu tháng 4/2026
- Báo cáo thị trường hồ tiêu tháng 5/2026
- Báo cáo thị trường hồ tiêu quý II/2026

THỰC HIỆN:

Nội dung: **Hoàng Hiệp**

Thiết kế: **Vân Miên**

MỌI Ý KIẾN ĐÓNG GÓP VỀ BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG, XIN LIÊN HỆ TỚI:

Mrs. Trịnh Huyền Trang

Thư ký toà soạn phụ trách mục Hàng hóa - trang TTĐTTH VietnamBiz

Hotline: 099 522 2999

Email: info@vietnambiz.vn



Địa chỉ: Lầu 5 - Tòa nhà COMPA Building - 293 Điện Biên Phủ - Phường Gia Định - TP Hồ Chí Minh

Chi nhánh: Số 5 - ngõ 38A - Phố Trần Phú - Phường Ba Đình - TP Hà Nội

Hotline: 0938.1892224

Email: info@vietnambiz.vn

Vận hành bởi  VIETNEWS CORP